

Phần I

NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP

Bài 1

BÀI MỞ ĐẦU (1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài này, GV cần phải làm cho HS :

- Biết được tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.
- Biết được tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nước ta hiện nay và phương hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành trong thời gian tới.
- Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích, so sánh.

II – CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG

1. Chuẩn bị nội dung

Nghiên cứu SGK. Đọc phần "Thông tin bổ sung" (SGK và sách giáo viên (SGV)).

2. Đồ dùng dạy học

Tranh, ảnh, băng hình liên quan đến bài học.

3. Tài liệu tham khảo

- Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2006 – 2010 trong Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X.
- Nông nghiệp Việt Nam trên đường hiện đại hoá. Ban Vật giá Chính phủ, 1998, Hà Nội.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân bố bài giảng

Bài gồm 3 phần :

I. Tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.

II. Tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay.

III. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta.

Trọng tâm của bài là phần I và III.

2. Các hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động 1 : *Tìm hiểu tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp*

Nội dung phần này chứa đựng nhiều số liệu thống kê nên tương đối khó đối với HS.

– Để giúp HS hiểu được phần này, GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi phát hiện vấn đề (đàm thoại orixtic). Dùng hệ thống câu hỏi, GV hướng dẫn HS từng bước thấy được tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.

– Để phân tích sâu từng vai trò của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, GV có thể nêu ra câu hỏi riêng rẽ để HS thảo luận và trả lời. Ví dụ : Dựa vào hình 1.1 SGK, em có nhận xét gì về đóng góp của ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước. GV có thể hướng dẫn HS so sánh sự đóng góp của nông, lâm, ngư nghiệp vào cơ cấu tổng sản phẩm trong nước trong phạm vi 1 năm, hoặc theo các năm 1995 – 2000, 2000 – 2004, từ đó rút ra nhận xét.

2.2. Hoạt động 2 : *Tìm hiểu tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay*

– GV yêu cầu HS đọc SGK, nêu và ghi những thành tựu nổi bật, những hạn chế của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay vào vở hoặc phiếu học tập theo mẫu bảng sau :

Thành tựu nổi bật của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp	Hạn chế của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp

Để khắc sâu kiến thức, GV có thể yêu cầu HS : Dựa vào hình 1.3 SGK trả lời các câu hỏi sau :

– Tính tốc độ gia tăng lương thực bình quân trong giai đoạn 1995 – 2000, 2000 – 2004 và rút ra nhận xét.

– So sánh tốc độ gia tăng sản lượng lương thực giai đoạn 1995 – 2000, 2000 – 2004 và nêu nhận xét.

2.3. Hoạt động 3 : Tìm hiểu phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta

– Phần này SGK đã liệt kê phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp trong thời gian tới. Nội dung có những khái niệm mới, trừu tượng, vì vậy GV có thể dùng phương pháp giảng giải để dạy.

– GV có thể nêu ra các câu hỏi dẫn dắt HS tiếp thu kiến thức cần đạt được. GV có thể tham khảo các câu hỏi sau : Theo em, trong thời gian tới ngành nông, lâm, ngư nghiệp nước ta cần phải giải quyết tốt những nhiệm vụ gì ? Em hiểu thế nào là an ninh lương thực ? Em hiểu thế nào là đầu tư phát triển chăn nuôi để đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính ? Thế nào là nền nông nghiệp bền vững ?

– GV có thể cung cấp thêm cho HS một số chỉ tiêu cụ thể của phát triển trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản.

2.4. Hoạt động 4 : Tổng kết, đánh giá bài học

– GV nêu câu hỏi củng cố bài, HS trả lời.

– GV đánh giá giờ học đã đạt được mục tiêu của bài để ra chưa.

IV – THÔNG TIN BỔ SUNG

Chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế – xã hội trong 5 năm 2006 – 2010 do Đại hội Đảng lần thứ X nêu ra là : Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp 2,1 lần so với năm 2000, mức tăng GDP bình quân đạt 7,5% đến 8%/năm, phần đầu đạt trên 8%/năm. Cơ cấu ngành trong GDP : Khu vực nông nghiệp khoảng 15% đến 16%, công nghiệp và xây dựng 43% đến 44%, dịch vụ 40% đến 41%. Tạo việc làm cho 8 triệu lao động. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5%. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn mới) giảm xuống còn 10% đến 11%.